

HỘI KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI LẦN THỨ IV, NHIỆM KỲ 2025-2030

Hà Nội, 2025

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH
V/v: Tổng kết hoạt động nhiệm kỳ III (2019-2024) và phương hướng hoạt
động nhiệm kỳ IV (2025-2030)

Ban Chấp hành nhiệm kỳ III báo cáo trước toàn thể đại biểu tham dự Đại hội báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ III(2019-2024) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2025-2030).

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ 2019 – 2024

Bối cảnh hoạt động của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam trong nhiệm kỳ 2019 - 2024 đã gặp phải nhiều thách thức do tác động của đại dịch COVID-19 và thiên tai lũ lụt. Tuy nhiên, đây cũng là thời điểm mà ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chứng kiến những bước tăng trưởng ấn tượng. Đảng và Nhà nước đã triển khai nhiều chính sách mới nhằm thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp, nông dân và khu vực nông thôn trong bối cảnh hiện tại. Những điều kiện này mang lại cơ hội thuận lợi cho Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam kiện toàn tổ chức Hội, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, xã hội ngày càng thiết thực. Dưới đây là một số kết quả hoạt động nổi bật.

1. Về tổ chức Hội

Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam (PHANO) được thành lập ngày 15 tháng 06 năm 2006 theo Quyết định số 953/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ. Đến nay, PHANO có 215 hội viên bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT, nghệ nhân, doanh nhân, chủ nhà vườn; doanh nghiệp và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc bao gồm: Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Hoa lan Việt Nam; Viện Nghiên cứu Đào tạo Nguồn nhân lực Khoa học Công nghệ; Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Công nghệ cao Đồng bằng Sông Cửu Long

và các HTX. Các hoạt động chủ yếu của Hội là Nghiên cứu, Tư vấn, Phản biện, Truyền thông và phát triển sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực Thương hiệu cộng đồng, Chuỗi giá trị nông nghiệp, Hoa cây cảnh, và phát triển sản phẩm OCOP... Ngoài ra, Hội còn liên kết với các đơn vị khoa học sự nghiệp công lập để triển khai nhiều hoạt động liên quan.

Trong đó, Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam được thành lập từ năm 2012. Trong những năm qua, Tạp chí đã làm tốt chức năng của cơ quan ngôn luận của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam. Ngày 26/01/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép hoạt động tạp chí số 74/GP – BTMTT cho Tạp chí để thực hiện quy hoạch báo chí theo tinh thần chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương tại Văn bản số 2339-CV/BTGTW ngày 18/01/2022. Theo đó, Tạp chí có 02 loại hình: Tạp chí in xuất bản hàng tháng, khổ A4, đạt chỉ số ISSN 1859 - 4700 được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước đưa vào danh mục tính điểm các công trình khoa học; Loại hình điện tử tại tên miền: <https://nongthonvaphattrien.vn>. Theo đó, Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam - <https://nongthonvaphattrien.vn> có tôn chỉ mục đích hoạt động là: Thông tin chuyên sâu, chuyên ngành, giới thiệu, đăng tải kết quả nghiên cứu khoa học, tham gia tư vấn, phản biện chính sách về lĩnh vực phát triển nông thôn; Thông tin về hoạt động của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam; là diễn đàn của giới khoa học nông nghiệp, nông thôn; là cầu nối của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân, nghệ nhân, chủ nhà vườn với các cơ quan quản lý nhà nước.

Hàng năm, Hội tổ chức họp Hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban lãnh đạo Hội theo đúng quy định của Điều lệ Hội để kịp thời kiểm điểm, đánh giá công tác Hội và đưa ra những định hướng công tác cho từng năm. Đến nay, Hội đã tổ chức được 06 Hội nghị Ban Chấp hành và 12 Hội nghị Ban Thường vụ. Ban lãnh đạo Hội giao ban hàng tuần, hàng tháng, hàng quý để kịp thời triển khai công việc. Ngoài ra, với đặc thù của Hội, nơi tập hợp các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành về Nông nghiệp và Khoa học Phát triển nông thôn, nên phần lớn các Ủy viên BCH, các thành viên của Hội thường xuyên gặp gỡ tại các Hội thảo, dự án và sự kiện do Hội tổ chức. Chính vì vậy, sự liên kết giữa các Ủy viên BCH, Ban Thường vụ và Ban lãnh đạo Hội được thường xuyên, liên tục, kịp thời cho ý kiến vào các hoạt động công tác Hội.

2. Về công tác chuyên môn

Trong những năm qua, Hội đã tích cực tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội; Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ,

mục đích của Hội theo quy định của pháp luật; Tham gia các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức tập huấn theo quy định của pháp luật; Tham gia ý kiến vào dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội; kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan tới sự phát triển và lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật; Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

Hội đã làm tốt công tác phối hợp với Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển Nông thôn - Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội trong triển khai nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, sản phẩm OCOP, bảo tồn làng nghề. Phối hợp với Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT cùng các Bộ, Ban ngành có liên quan trong việc xây dựng chính sách về: Kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết theo chuỗi trong nông nghiệp; Trang trại nông nghiệp và kinh tế hộ gia đình; Diêm nghiệp; Cơ điện nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn; Đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Định canh, bố trí ổn định dân cư, di dân tái định cư, Giảm nghèo, an sinh xã hội nông thôn; Chương trình MTQG về giảm nghèo bền vững; Chương trình “Không còn nạn đói” ở Việt Nam. Tổ chức Festival Bảo tồn làng nghề Việt Nam 2023; Sơ kết chương trình không còn nạn đói năm 2023; Tổng kết 20 năm ngành Kinh tế Hợp tác và PTNT.

Hội phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội hàng năm tổ chức các Sự kiện giới thiệu sản phẩm OCOP gắn với văn hóa các vùng miền, Festival sản phẩm Nông nghiệp và Làng nghề... Ngoài ra, Hội còn phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức Hội thảo “Nông nghiệp thông minh, định hướng và giải pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021”; Hội thảo “Phát triển Hoa cây cảnh ngành kinh tế sinh thái trong xây dựng Nông thôn mới và Đô thị văn minh năm 2023”. Năm 2024, Hội phối hợp với Văn phòng điều phối Nông thôn mới Hà Nội tổ chức: Lễ hội Hoa đào, quất cảnh; Lễ hội Sen, Festival Sinh Vật Cảnh Hà Nội lần thứ nhất; Hội thi Sinh Vật Cảnh Hà Nội mở rộng; Hội thi sản phẩm làng nghề; Festival sản phẩm Nông nghiệp và làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đặc biệt, trong năm 2024, Hội được UBND thành phố Hà Nội giao xây dựng đề án “Phát triển Nông nghiệp đô thị Hà Nội”.

Nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức nước ngoài, trong khuôn khổ dự án

ASSET, Hội triển khai một số hoạt động: Phụ trách phát triển Mạng lưới nông nghiệp sinh thái Đông Nam Á (ALiSEA) tại Việt Nam với vai trò Thư ký Quốc Gia; Phát triển mối quan hệ đối tác với hơn 50 tổ chức thành viên trong mạng lưới; Tham gia và đóng góp thúc đẩy chuyển đổi Nông nghiệp sinh thái và Chuyển đổi Hệ thống thực phẩm minh bạch, bền vững: các khóa đào tạo, hội thảo; Phụ trách hoạt động truyền thông: bài viết, bài báo, sản phẩm truyền thông khác để tăng hiện diện về Nông nghiệp sinh thái; Phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo ở cấp độ quốc gia; Phối hợp tổ chức khóa học tập về truyền thông trong nông nghiệp cho 12 thành viên của mạng lưới tại Đồng Tháp, tháng 3 năm 2024; Phối hợp tổ chức chương trình thăm quan học thực tế cho thành viên của mạng lưới (15 đại biểu) tại tỉnh Sơn La, tháng 10 năm 2024; Phối hợp tổ chức Chương trình nâng cao nhận thức cho Nhà báo về Nông nghiệp sinh thái tại hai tỉnh Sơn La và Điện Biên, có sự tham gia của 12 nhà báo, sẽ tổ chức vào tháng 11 năm 2024; Phối hợp tổ chức Đại hội Quốc gia Mạng lưới tại Hà Nội dự kiến tháng 11 năm 2024; Nâng cao năng lực và trao đổi giữa các cán bộ truyền thông của mạng lưới ALiSEA; Thực hiện hoạt động sản xuất tri thức liên quan đến sự tham gia của Thanh niên trẻ trong nông nghiệp sinh thái khu vực phía Bắc, Việt Nam; Tham gia đại hội khu vực tại Luang Prabang, CHDCND Lào, tháng 3, 4 năm 2024; Phối hợp tổ chức các buổi chia sẻ học tập về Nông nghiệp sinh thái trực tuyến cho thành viên ALiSEA và Cộng đồng...

Ngoài ra, Hội đã trực tiếp triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ như: Đăng ký bảo hộ và quản lý nhãn hiệu tập thể "Hành Võng Xuyên" của xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, Sở KH-CN Hà Nội; Đăng ký bảo hộ và quản lý nhãn hiệu tập thể "Trứng vịt Phụng Thượng" của xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; Đăng ký bảo hộ và quản lý nhãn hiệu tập thể "Rau an toàn Thanh Đa" của xã Thanh Đa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; Đăng ký bảo hộ và quản lý nhãn hiệu chứng nhận bưởi Thạch Thất của Huyện Thạch Thất, TP Hà Nội; Nhiệm vụ với Sở KH-CN Lạng Sơn: Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể Quả tươi Hữu Lũng cho sản phẩm quả tươi của huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn.

Việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội: Thực hiện Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi

hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP; các quy định của pháp luật liên quan và việc thực hiện điều lệ của hội: Tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Hội.

Tổ chức, hoạt động và quản lý của Hội tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã được Bộ Nội vụ phê duyệt kèm theo Quyết định số 1256/QĐ-BNV ngày 18/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định Phê duyệt Điều lệ (Sửa đổi, bổ sung) của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã được Bộ Nội vụ phê duyệt kèm theo Quyết định số 469/QĐ-BNV ngày 05/06/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, tuân thủ theo các quy định, quy chế của Ban chấp hành Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam. Quy định quản lý con dấu: QĐ-01/HKHPTNTVN ban hành ngày 11 tháng 02 năm 2019. Các quy định khác như Quy định quản lý tài sản, quy định xử lý thông tin, quy định quản lý và sử dụng văn phòng phẩm,... tuân thủ quy định của Phòng Hành chính được Ban chấp hành Hội Khoa học Phát triển Nông thôn thông qua.

Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội được tiến hành theo đúng Điều lệ Hội đã kịp thời động viên, khích lệ các nhân tố tích cực trong Hội và các đơn vị trực thuộc. Trong nhiệm kỳ, Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng bằng khen về thành tích công tác năm 2022.

3. Kết quả hoạt động của Ban Chấp hành nhiệm kỳ III

Trong điều kiện quỹ hoạt động rất hạn hẹp, các thành viên Ban Chấp hành Hội đã rất chủ động liên hệ với các cơ quan chức năng, tranh thủ các dự án hợp tác, kết nối với các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của nhà nước và quốc tế để tạo điều kiện hỗ trợ về khoa học nông nghiệp...

Nguồn thu của Hội bao gồm: Hội phí của hội viên, kinh phí từ các hoạt động nghiên cứu, tư vấn dịch vụ đóng theo quy định. Các khoản chi của Hội theo Quy chế tài chính như trả lương cho nhân viên, bồi dưỡng cộng tác viên, mua sắm trang thiết bị, chi phí văn phòng, công tác phí, chi phí giao tế và các khoản chi hợp lý khác do Ban Chấp hành Hội quyết định theo tinh thần tiết kiệm. Kinh phí đóng góp của các hội viên: Không có. Nguồn kinh phí khác (tài trợ.... nếu có): Không có.

Tình hình sử dụng kinh phí của Hội:

- Tồn đầu kỳ năm 2020: 20.500.000 VND
- Tổng thu trong kỳ: 4.148.696.100 VND

- Tổng chi trong kỳ: 4.105.919.812 VND
- Tồn quỹ đến tháng 12/2024: 63.276.288 VND.

Việc sử dụng tài sản, tài chính trong hoạt động của Hội: Việc sử dụng tài sản, tài chính trong các hoạt động của Hội được thực hiện theo đúng Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch. Tổng kinh phí thu từ các nguồn thực hiện nhiệm vụ do các cơ quan tổ chức giao.

4. Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2019-2024

Nghị quyết Đại hội Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam (2019-2024) Đại hội Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, tổ chức ngày 12/01/2019 tại Hà Nội, đã thông qua Nghị quyết quan trọng cho nhiệm kỳ 2019-2024. Đại hội nhất trí cao các chỉ tiêu và nhiệm vụ đề ra, đồng thời thông qua Điều lệ sửa đổi của Hội. Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới gồm 35 thành viên (Chủ tịch, 5 Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và Ban Kiểm tra) cũng đã được bầu. Đại hội giao Ban Chấp hành xây dựng các chương trình hành động cụ thể để hiện thực hóa các mục tiêu. Các trọng tâm bao gồm: Đổi mới và nâng cao chất lượng Tạp chí KHPTNT (hướng tới tạp chí điện tử, củng cố website); tham gia nghiên cứu, phản biện chính sách về nông thôn mới, tái cơ cấu nông nghiệp; cung cấp dịch vụ tư vấn phát triển nông thôn (xây dựng mô hình, đào tạo năng lực HTX, chuỗi giá trị, OCOP, thương hiệu nông sản, bảo hộ chỉ dẫn địa lý, phát triển cây cảnh, hoa lan). Hội cũng sẽ tích cực huy động thành viên tham gia đấu thầu đề tài khoa học, chuyển giao tiến bộ KHKT, và tăng cường hợp tác quốc tế. Về tài chính, Đại hội thống nhất phân đấu giải quyết nhu cầu tài chính để tăng thu nhập hội viên, chi trả nhuận bút, chi phí hoạt động và tích lũy dự phòng. Nghị quyết này định hướng rõ ràng cho sự phát triển của Hội trong nhiệm kỳ 2019-2024.

Trong nhiệm kỳ 2019 - 2024, Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong nhiều mặt hoạt động. Dưới đây là đánh giá chi tiết về các hoạt động của Hội trên các phương diện cụ thể:

Tổ chức Hội được kiện toàn ngày càng vững chắc: Hội đã có những nỗ lực trong việc củng cố và kiện toàn tổ chức, bao gồm việc xây dựng bộ máy làm việc rõ ràng, hợp tác với các thành viên để nâng cao hiệu quả hoạt động. Sự tham gia tích cực của các nhà khoa học, chuyên gia và các thành viên đã giúp tạo nên lực lượng đoàn kết và mạnh mẽ, từ đó hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quy trình làm việc.

Tuyên truyền chính sách và pháp luật: Hội đã đẩy mạnh việc phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp sinh

thái, nông thôn mới, chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm và nâng cao đời sống nông dân. Thông qua các ấn phẩm, trang thông tin và các sự kiện, nhiều hội viên và nông dân đã được trang bị kiến thức cần thiết để nắm rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ: Việc phổ biến các tiến bộ khoa học và chuyển giao mô hình kỹ thuật hiện đại đã giúp cán bộ hội viên và người sản xuất tiếp cận nhanh chóng với các phương pháp sản xuất tiên tiến. Điều này không chỉ tối ưu hóa quy trình sản xuất mà còn nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Khuyến khích phát triển Nông nghiệp sinh thái và chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững đến 2030 (theo QĐ 300/2023 của Thủ tướng): Hội đã tập trung vào việc hướng dẫn và hỗ trợ các mô hình phát triển nông nghiệp sinh thái, du lịch nông thôn, chuyển đổi hệ thống LTTP và phát triển làng nghề gắn với bền vững. Các hoạt động này không chỉ bảo vệ môi trường mà còn hỗ trợ nông dân nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống.

Tiếp cận thị trường và xây dựng thương hiệu: Hỗ trợ người sản xuất trong việc tiếp cận thị trường và xây dựng thương hiệu đã thực sự góp phần mở rộng khả năng tiêu thụ sản phẩm. Hội đã tổ chức các khóa học và hội thảo để cung cấp cho hội viên kiến thức về marketing nông sản và phát triển thương hiệu cá nhân cho các sản phẩm nông nghiệp.

Tham gia phản biện chính sách: Hội cũng đã chủ động tham gia vào quá trình phản biện các chính sách, xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến phát triển nông thôn. Những ý kiến đóng góp từ Hội đã giúp cải thiện chất lượng của các chính sách và quy định, đảm bảo chúng mang tính khả thi và gần gũi với thực tiễn.

Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên ngành: Để thúc đẩy sự giao lưu và trao đổi kinh nghiệm, Hội đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo chuyên ngành. Những sự kiện này không chỉ tập hợp các chuyên gia, nhà khoa học và nông dân mà còn mở ra cơ hội hợp tác nghiên cứu và phát triển giữa các bên liên quan. Những hoạt động tích cực này không chỉ củng cố vị thế của Hội trong vai trò cầu nối giữa khoa học và thực tiễn mà còn góp phần đáng kể trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân, thúc đẩy phát triển bền vững và đổi mới trong ngành nông nghiệp Việt Nam. Những kết quả này sẽ là nền tảng vững chắc cho các hoạt động trong tương lai, đồng thời giúp Hội tiếp tục khẳng định vai trò của mình trong sự nghiệp phát triển nông thôn.

Tổng thể, các hoạt động của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam trong nhiệm kỳ 2019 - 2024 cho thấy những bước phát triển tích cực, cải thiện rõ rệt về cả quy trình tổ chức, hoạt động chuyên môn, tuyên truyền và phản biện xã hội. Điều này không chỉ khẳng định vai trò của Hội trong việc đóng góp vào sự phát triển của nông thôn mà còn tạo điều kiện cho việc xây dựng một cộng đồng nông thôn vững mạnh.

Tuy nhiên, Hội cần tiếp tục phát huy những kết quả này và giải quyết các hạn chế còn tồn tại để nâng cao hiệu quả hoạt động hơn nữa trong tương lai.

5. Một số thuận lợi và khó khăn

5.1. Thuận lợi: Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã thu hút được một đội ngũ đông đảo các nhà khoa học và chuyên gia uy tín, nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan ban ngành trung ương cũng như các địa phương. Đồng thời, Hội cũng đã thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế. Trong nhiệm kỳ 2019 - 2024, mặc dù phải đối diện với nhiều thách thức từ đại dịch COVID-19 và thiên tai lũ lụt, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn ghi nhận những bước tăng trưởng ấn tượng. Các chính sách mới được Đảng và Nhà nước ban hành nhằm thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp, nông dân và khu vực nông thôn đã mở ra nhiều cơ hội thuận lợi, tạo điều kiện cho Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam vươn mình phát triển mạnh mẽ hơn.

5.2. Hạn chế: Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, tư vấn và thúc đẩy phát triển nông thôn. Tuy nhiên, cũng như nhiều tổ chức khác, Hội có một số tồn tại và hạn chế sau đây:

Thiếu nguồn lực tài chính: Một trong những hạn chế lớn là sự thiếu hụt nguồn ngân sách hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu, triển khai dự án và các chương trình đào tạo. Điều này làm giảm hiệu quả của các hoạt động của Hội.

Khả năng tiếp cận thông tin: Hội gặp khó khăn trong việc thu thập và chia sẻ thông tin khoa học mới nhất. Điều này ảnh hưởng đến khả năng cập nhật và áp dụng các công nghệ hoặc phương pháp mới trong phát triển nông thôn.

Sự tham gia của các thành viên: Một số hoạt động của Hội có thể chưa thu hút đủ sự tham gia tích cực từ các thành viên, dẫn đến việc khó khăn trong việc huy động nguồn lực tri thức và kinh nghiệm từ cộng đồng học thuật.

Liên kết với thực tiễn: Một số dự án Hội phối hợp với một số cơ quan triển khai chưa thực sự gắn liền chặt chẽ với nhu cầu thực tiễn của nông dân và cộng đồng nông thôn, dẫn đến việc áp dụng không hiệu quả.

Thiếu sự phối hợp liên ngành: Phát triển nông thôn là một vấn đề phức

tập liên quan đến nhiều lĩnh vực như kinh tế, xã hội, môi trường. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các ngành và các tổ chức có thể chưa thực sự chặt chẽ.

Đào tạo và phát triển năng lực: Chương trình đào tạo và phát triển năng lực cho các thành viên chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nhiệm vụ của Hội.

Chính sách và pháp lý: Một số chính sách liên quan đến phát triển nông thôn vẫn chưa đủ mạnh và rõ ràng, đi kèm với cơ chế thực hiện chưa hiệu quả, gây khó khăn cho Hội trong việc triển khai các hoạt động. Để có thể phát huy tối đa vai trò của mình, Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam cần khắc phục những tồn tại này thông qua việc thường xuyên nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường sự kết nối với cộng đồng và các tổ chức liên quan.

6. Nguyên nhân

Nguyên nhân của những hạn chế mà Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đang gặp phải có thể được phân tích như sau:

- Chính sách ngân sách nhà nước dành cho nghiên cứu và phát triển nông thôn còn hạn chế. Nhiều chương trình, dự án chưa được cấp đủ kinh phí. Sự phụ thuộc vào nguồn ngân sách công mà chưa khai thác hiệu quả các nguồn tài trợ từ tư nhân hoặc các tổ chức quốc tế.

- Hệ thống thông tin khoa học chưa được đầu tư bài bản, thiếu cơ sở dữ liệu và nền tảng trực tuyến để thu thập và chia sẻ thông tin một cách hiệu quả. Sự thiếu hụt các kênh kết nối với các tổ chức nghiên cứu và các viện khoa học lớn cũng làm giảm khả năng tiếp cận thông tin.

- Thiếu các hoạt động tạo động lực, khuyến khích sự tham gia chủ động và tích cực từ thành viên trong việc phát triển dự án và nghiên cứu. Có thể do thiếu sự minh bạch trong việc chia sẻ kết quả nghiên cứu, khiến cho mọi người không có đủ thông tin để tích cực tham gia.

- Các hoạt động và dự án chưa thực sự hướng vào nhu cầu cụ thể của nông dân, dẫn đến thiếu sự đồng thuận và hợp tác từ chính cộng đồng. Thiếu các cơ chế phản hồi từ cộng đồng giúp Hội nhận biết và điều chỉnh hoạt động cho phù hợp thực tế.

- Chưa có các cơ chế chính thức để thúc đẩy sự hợp tác hiệu quả giữa các tổ chức, cơ quan và ngành khác nhau trong lĩnh vực phát triển nông thôn.

- Chương trình đào tạo chưa được thiết kế hiện đại, sát thực với nhu cầu của thị trường và yêu cầu mới trong lĩnh vực nông nghiệp. Thiếu đầu tư cho công tác đào tạo và phát triển năng lực của các thành viên, dẫn đến việc không đảm bảo

cho họ có đủ kỹ năng cần thiết.

- Hệ thống chính sách hiện hành chưa đồng bộ và thiếu các điều khoản cụ thể để hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển nông thôn.

- Các cơ chế thi hành chính sách có thể còn yếu kém, làm cho các quy định thiếu tính ứng dụng trong thực tiễn, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai của Hội. Những nguyên nhân này tuy rất đa dạng và phức tạp, nhưng nếu được nhận biết và giải quyết kịp thời, chúng sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam trong việc thực hiện sứ mệnh của mình.

7. Bài học kinh nghiệm

Trong nhiệm kỳ 2019 - 2024, Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong các hoạt động của mình. Để có được những kết quả tích cực đó, có thể rút ra một số bài học quan trọng như sau:

- Tăng cường hợp tác và liên kết: Việc thiết lập và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan ban ngành, tổ chức quốc tế và các đối tác nghiên cứu đã góp phần tạo ra nhiều dự án hiệu quả, cũng như huy động được nguồn lực hỗ trợ cần thiết.

- **Lắng nghe và phản hồi từ cộng đồng:** Sự thành công của các chương trình và dự án phụ thuộc vào khả năng tiếp cận và hiểu rõ nhu cầu thực tế của nông dân và cộng đồng nông thôn. Việc thảo luận, lấy ý kiến phản hồi là hết sức cần thiết để điều chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- **Đổi mới phương pháp nghiên cứu và đào tạo:** Áp dụng các công nghệ mới, phương pháp nghiên cứu hiện đại, cũng như chương trình đào tạo thích ứng với tình hình thực tế đã tạo ra những kết quả tích cực trong việc nâng cao năng lực cho thành viên và chất lượng nghiên cứu.

- **Chú trọng phát triển nguồn nhân lực:** Đầu tư vào việc nâng cao năng lực cho các thành viên thông qua đào tạo và các hoạt động học hỏi từ thực tiễn đã giúp Hội sở hữu nguồn nhân lực chất lượng, đảm bảo tính bền vững cho các hoạt động.

- **Phát huy tính sáng tạo và linh hoạt:** Trong bối cảnh đầy thách thức, Hội cần phải có khả năng thích ứng nhanh chóng với các biến đổi, sáng tạo ra những giải pháp mới và linh hoạt trong việc triển khai các dự án.

- **Đảm bảo minh bạch và trách nhiệm:** Sự minh bạch trong hoạt động và quy trình làm việc đã giúp xây dựng niềm tin từ các thành viên cũng như cộng đồng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp và thu hút sự tham gia.

- **Tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của các cấp chính quyền:** Tham gia

vào việc xây dựng và cải thiện các chính sách liên quan đến nông nghiệp và phát triển nông thôn đã mang lại những thay đổi tích cực, giúp thúc đẩy hoạt động của Hội.

Những bài học này không chỉ giúp Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam củng cố những điểm mạnh mà còn tạo nền tảng vững chắc để phát triển bền vững trong tương lai, đảm bảo cho các hoạt động ngày càng hiệu quả và phù hợp với sự phát triển của ngành Nông nghiệp và nông thôn Việt Nam.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2025 – 2030

1. Phương hướng nhiệm vụ chung Hội tập trung vào nhiệm vụ: Kiến toàn tổ chức - Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động - Nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, đóng góp thiết thực vào xây dựng, tích cực chuẩn bị và tổ chức Đại hội Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam nhiệm kỳ 2025 - 2030 với chủ đề “*Đoàn kết - Đổi mới - Sáng tạo*” đóng góp thiết thực vào mục tiêu: “*Xây dựng nền nông nghiệp sinh thái - bền vững; Nông thôn hiện đại - đáng sống; Nông dân chuyên nghiệp - văn minh*”.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Công tác Tổ chức và củng cố hoạt động của Hội

Tổ chức thành công Đại hội Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đảm bảo sinh hoạt, đặc biệt là các cuộc họp của Ban Thường vụ để kịp thời chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Củng cố Hội về tổ chức từ BCH tới các Chi hội, tăng cường sự gắn bó, hợp tác trong các hoạt động. Mở rộng số lượng thành viên trên phạm vi toàn quốc. Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm. Hàng tháng kết hợp giao ban tổ chức họp Ban chấp hành Chi hội, hàng quý họp Chi hội để đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch hoạt động. Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, xây dựng kế hoạch hoạt động và được triển khai tới các Chi hội. Tổ chức tốt việc chăm lo, thăm hỏi người già cả, ốm đau, thăm quan, nghỉ mát... từng bước cải thiện đời sống tinh thần cho Hội viên. Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo từ các Chi hội về BCH Hội. Tranh thủ được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Nội vụ và Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng như các cơ quan hữu quan có liên quan ở Trung ương và các địa phương. Sự phối hợp của các ngành, đơn vị liên quan, các HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp, trang trại, gia trại, hộ nông dân và các tổ chức cá nhân hoạt động trong lĩnh vực

Nông nghiệp và PTNT.

2.2. Hoạt động chuyên môn

Trong nhiệm kỳ 2025-2030, Hội KH PTNT sẽ định hướng tập trung vào các một số định hướng sau:

- Thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, các sáng kiến về chuyển đổi Nông nghiệp sinh thái ở các vùng miền trên toàn quốc.
- Đóng góp vào hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống LTTP minh bạch, có trách nhiệm, bền vững đến 2030 tại các địa phương.
- Tăng cường sự gắn kết, phối hợp với Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT, Chi cục Phát triển Nông thôn, Văn phòng điều phối Nông thôn mới, Trung tâm khuyến nông các địa phương, đặc biệt trong công tác tuyên truyền tập huấn và triển khai các hoạt động chuyên môn, lồng ghép các hoạt động trong chương trình OCOP, xây dựng nông thôn mới... Trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ của Chi cục Phát triển Nông thôn, Văn phòng điều phối Nông thôn mới, Trung tâm khuyến nông các địa phương, Hội xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao. Tranh thủ sự hỗ trợ xã hội hóa, các doanh nghiệp hàng năm tổ chức 10-20 buổi hội thảo, tập huấn, nội dung về các biện pháp phát triển nông nghiệp sinh thái và nông thôn.
- Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về nông nghiệp và nông thôn góp phần nâng cao vị thế của nông nghiệp và nông thôn Việt Nam trên trường quốc tế.

2.3. Tuyên truyền nâng cao nhận thức

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan báo chí truyền thông của Trung ương và Hà Nội cùng một số cơ quan khoa học đẩy mạnh việc tuyên truyền phổ biến kiến thức, khoa học kỹ thuật, giới thiệu những mô hình tốt, cách làm hay về phát huy Nông nghiệp - Nông thôn - Nông dân. Tích cực tham gia các hoạt động tham vấn chính sách của các cơ quan Trung ương và các địa phương tổ chức, đúng thành phần, đúng đối tượng; Tham gia đầy đủ các buổi học tập chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước do các cấp tổ chức.

2.4. Công tác giám sát, phản biện xã hội

Tham gia đầy đủ và có trách nhiệm khi được yêu cầu tham gia góp ý, phản biện các kế hoạch, chương trình dự án chuyên ngành khi các cơ quan Nhà nước có yêu cầu ở những hoạt động mà Hội có năng lực thực hiện; Hội chủ động tham mưu với ngành Nông nghiệp và PTNT, Cục Kinh tế Hợp tác và PTNT, các Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Phát triển Nông thôn, Văn phòng điều phối

Nông thôn mới, Trung tâm khuyến nông, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp của các địa phương về hoàn thiện chính sách có liên quan.

3. Giải pháp ưu tiên thúc đẩy

Để thúc đẩy hoạt động của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam trong thời gian tới, Hội triển khai đồng bộ các nhiệm vụ sau:

1) Khuyến khích việc kết nối với các tổ chức quốc tế, cơ quan phát triển và các doanh nghiệp để kêu gọi tài trợ cho các dự án nghiên cứu và phát triển;

2) Thiết lập một quỹ nghiên cứu thường xuyên để hỗ trợ các nghiên cứu mang tính ứng dụng cao và có ý nghĩa trong phát triển nông thôn;

3) Tổ chức các chương trình đào tạo và hội thảo nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng cho các hội viên và cộng đồng nông dân;

4) Mời các chuyên gia trong và ngoài nước đến tham gia trao đổi kinh nghiệm và kiến thức về phát triển nông thôn;

5) Khuyến khích các nghiên cứu về nông nghiệp bền vững, nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn và các mô hình sản xuất thông minh, chính xác, chuyển đổi số.

6) Triển khai các mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch nông thôn để làm căn cứ cho việc nghiên cứu, áp dụng và nhân rộng;

7) Thúc đẩy các mô hình xây dựng thương hiệu nông sản cộng đồng, sản phẩm OCOP, phát triển làng nghề tại các địa phương;

8) Tăng cường sự phối hợp giữa các nhà khoa học, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng để tạo ra một mạng lưới mạnh mẽ trong nghiên cứu và phát triển nông thôn;

9) Xây dựng các nhóm làm việc giữa các địa phương để chia sẻ kinh nghiệm và bài học thành công trong phát triển nông thôn;

10) Phát triển các kênh truyền thông (website, mạng xã hội) để chia sẻ thông tin, kết quả nghiên cứu và tạo điều kiện cho các hội viên kết nối với nhau;

11) Tổ chức hội nghị, hội thảo về các vấn đề liên quan đến nông thôn để thu hút sự tham gia của các đối tượng liên quan và nâng cao nhận thức cộng đồng;

12) Tích cực tham gia vào việc tư vấn, kiến nghị các chính sách liên quan đến phát triển nông thôn để đảm bảo rằng các đề xuất từ Hội được đưa vào thực tế.

13) Hội bám sát các hoạt động chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc định hướng phát triển các lĩnh vực nông sản chủ lực trở thành sản phẩm nông nghiệp mũi nhọn trong quá trình cấu trúc lại ngành nông nghiệp theo hướng

nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

4. Đề xuất, kiến nghị

Để nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động trong thời gian tới, Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam có một số kiến nghị như sau:

Với Bộ Nội vụ: Đề nghị Bộ Nội vụ hỗ trợ công tác đào tạo cán bộ Hội chuyên trách về công tác Hội, nhất là quan hệ với các cơ quan có liên quan; Xây dựng một khung pháp lý rõ ràng và thuận lợi cho hoạt động của các hội, tổ chức khoa học nói chung, để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các hội viên; Tăng cường giao lưu, hợp tác giữa các hội, tổ chức và cơ quan nhà nước để chia sẻ kinh nghiệm và mô hình hoạt động Hội hiệu quả.

Với Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường đầu tư vào các nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp bền vững để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của nông dân; Xây dựng các chương trình đào tạo và tập huấn cho cán bộ nông nghiệp và nông dân, giúp họ tiếp cận các khoa học kỹ thuật mới và cải thiện quản lý sản xuất nông nghiệp; Đề xuất tạo ra cơ chế phản hồi giữa Bộ Nông nghiệp và Hội, để nhận diện và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển nông thôn; Tạo ra các kênh thông tin và truyền thông để phổ biến kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng; Xây dựng các mô hình hợp tác công tư trong phát triển nông thôn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia vào các dự án phát triển bền vững.

Thông qua các kiến nghị này, Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam mong muốn góp phần thúc đẩy sự phát triển nông thôn một cách bền vững và hiệu quả hơn. Việc nâng cao sự hợp tác giữa Hội và các cơ quan nhà nước sẽ giúp tạo ra những chính sách phù hợp và khả thi hơn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong điều kiện hiện nay.

Trên đây là Dự thảo Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2019 – 2024, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025 – 2030 Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ
- Vụ TCCB Bộ NN&MT (b/c)
- Các ủy viên BCH;
- Lưu VP.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025

DỰ THẢO

**BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH
NHIỆM KỲ III (2019-2024)**

Nhiệm kỳ 2019-2024 chứng kiến sự lãnh đạo của Ban Lãnh đạo Hội với đội ngũ gồm các vị trí chủ chốt sau: Chủ tịch Ông Trần Duy Quý, Phó Chủ tịch Thường trực Ông Đào Thế Anh, các Phó Chủ tịch Ông Lê Đức Thịnh, Ông Nguyễn Văn Bộ, Ông Tăng Minh Lộc, Tổng Thư ký Ông Trịnh Văn Tuấn và Trưởng Ban Kiểm tra Ông Nguyễn Trung Tuấn. Cơ cấu này đã được thiết lập để đảm bảo sự phân công trách nhiệm rõ ràng, từ đó duy trì hoạt động thông suốt và hiệu quả của Hội trong suốt nhiệm kỳ.

Ban Lãnh đạo, cùng với Ban Thường vụ và Ban Chấp hành, đã tuân thủ nghiêm ngặt Quy định của Điều lệ Hội trong việc tổ chức các cuộc họp. Các cuộc họp định kỳ được duy trì đều đặn nhằm đánh giá tiến độ, đề ra phương hướng và kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh. Ngoài ra, để đáp ứng tính cấp bách của công việc, Chủ tịch Hội cũng đã chủ động triệu tập các cuộc họp đột xuất, linh hoạt cả dưới hình thức trực tiếp và gián tiếp. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 bùng phát, Ban Lãnh đạo đã nhanh chóng thích nghi bằng cách chuyển đổi phần lớn các cuộc họp sang hình thức trực tuyến (online). Điều này không chỉ đảm bảo an toàn cho các thành viên mà còn giữ vững tính liên tục và hiệu quả của công tác điều hành Hội.

Trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế với toàn bộ Ban Lãnh đạo làm việc bán thời gian và thiếu đội ngũ chuyên trách hỗ trợ văn phòng, các thành viên đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, dồn tâm huyết và nỗ lực để hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ trọng tâm được giao.

Chủ tịch Hội (Ông Trần Duy Quý) đã đóng vai trò then chốt trong việc định hướng toàn bộ các hoạt động quan trọng nhất của Hội. Ông lãnh đạo các doanh nghiệp thành viên phát huy tốt vai trò ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, đồng thời xây dựng và duy trì các quan hệ chiến lược với các cơ quan quản lý nhà nước, góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của Hội.

Phó Chủ tịch Thường trực (Ông Đào Thế Anh) tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo quan trọng và chủ động đóng góp ý kiến tham mưu tư vấn chính sách cho các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Ông cũng là cầu nối quan trọng trong việc tiếp xúc với các cơ quan truyền thông đại chúng để giới thiệu về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói chung và các hoạt động của Hội nói riêng.

Tổng Thư ký (Ông Trịnh Văn Tuấn) đã hỗ trợ đắc lực Ban Lãnh đạo trong việc quản lý thường xuyên, bao gồm tổ chức hội họp và duy trì liên lạc hiệu quả giữa các thành viên Ban Chấp hành. Ngoài ra, ông còn tích cực liên kết với các dự án quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ và kết nối các nguồn cung cấp khoa học công nghệ, cơ hội đào tạo để giới thiệu cho các thành viên trong Hội.

Trưởng Ban Kiểm tra (Ông Nguyễn Trung Tuấn) đã có vai trò quan trọng trong việc truyền đạt kinh nghiệm quản lý Hội từ nhiệm kỳ trước, đồng thời giám sát các hoạt động nội bộ theo nhiệm vụ được giao. Ông cũng tích cực vận động, thu hút các thành viên mới, liên kết với các Hội khác có liên quan và giới thiệu các bài học kinh nghiệm hay của Hội.

Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức như kinh phí hoạt động hạn hẹp, nội dung công tác phức tạp và điều kiện làm việc đôi lúc khó khăn, Ban Lãnh đạo Hội đã thể hiện một tinh thần đoàn kết, nhất trí cao. Với ý chí quyết tâm gắn bó và sự tin cậy, ủng hộ thống nhất của toàn thể hội viên, Ban Lãnh đạo đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đạt được những kết quả đáng ghi nhận: Duy trì ổn định ngân quỹ và tài sản của Hội; củng cố và nâng cao chất lượng hội viên; Tiếp tục thúc đẩy các mặt hoạt động công tác Hội; Vận động cán bộ, hội viên tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các chính sách liên quan, khẳng định vai trò của Hội trong việc định hình các chính sách nông nghiệp quốc gia.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Ban Lãnh đạo nhiệm kỳ 2019-2024 cũng thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại và hạn chế cần khắc phục để phát triển tốt hơn trong tương lai:

- **Thiếu đội ngũ giúp việc chuyên trách:** Đây là hạn chế lớn nhất, khiến Ban Lãnh đạo (vốn đều là cán bộ bán chuyên trách) hoạt động chưa thực sự đồng đều và thiếu tính chuyên nghiệp ở một số khía cạnh.

- **Chưa huy động tối đa sức mạnh tổng lực của Ban Chấp hành:** Việc phối hợp và tận dụng hiệu quả toàn bộ tiềm năng của Ban Chấp hành còn chưa đạt được như kỳ vọng.

- **Nguồn thu tài chính chưa bền vững:** Đây vẫn là một thách thức lớn, đòi hỏi các giải pháp chiến lược để đảm bảo sự ổn định và phát triển lâu dài cho các hoạt động của Hội.

Những tồn tại này chính là bài học kinh nghiệm sâu sắc mà Ban Lãnh đạo Hội rút ra cho nhiệm kỳ tới. Việc nhận diện và khắc phục triệt để các hạn chế này sẽ là kim chỉ nam quan trọng để xây dựng một kế hoạch hành động hiệu quả, đưa hoạt động của Hội ngày càng phát triển vững mạnh và chuyên nghiệp hơn trong những năm tiếp theo.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ
- Các ủy viên BCH;
- Lưu VP.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM TRA
**Kết quả công tác kiểm tra của Ban Kiểm tra Hội nhiệm kỳ III (2019-2024),
phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2025 – 2030)**

I. TỔNG QUAN VỀ BAN KIỂM TRA NHIỆM KỲ III (2019-2024)

Ban Kiểm tra Hội nhiệm kỳ III, hoạt động trong giai đoạn 2019-2024, được cấu thành từ 03 thành viên chủ chốt, đảm bảo tính độc lập và khách quan trong công tác giám sát. Cụ thể, Ban gồm:

- Ông Nguyễn Trung Tuấn, Trưởng Ban, người đứng đầu chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động kiểm tra.

- Ông Lê Thành Ý: Phó Ban, hỗ trợ Trưởng Ban trong việc điều hành và triển khai các nhiệm vụ.

- Ông Hoàng Xuân Trường: Thành viên, trực tiếp tham gia vào các hoạt động kiểm tra và đánh giá. Chức năng và nhiệm vụ cốt lõi của Ban Kiểm tra được xác định rõ ràng, nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định và minh bạch trong mọi hoạt động của Hội.

Các nhiệm vụ bao gồm: Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội và thực hiện Nghị quyết Đại hội. Kiểm tra việc tuân thủ quy chế hoạt động của Ban Chấp hành. Giám sát các quy định về tổ chức và hoạt động của các ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc. Kiểm tra chặt chẽ việc quản lý tài sản và tài chính của Hội. Báo cáo định kỳ tình hình công tác kiểm tra giám sát tại các cuộc họp của Ban Chấp hành, đảm bảo thông tin minh bạch và kịp thời.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NHIỆM KỲ III

Công tác kiểm tra trong nhiệm kỳ III đã được Ban Kiểm tra triển khai một cách nghiêm túc, tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu của Hội.

1. Giám sát hoạt động của Ban Chấp hành Ban Chấp hành Hội, bao gồm 35 thành viên (01 Chủ tịch, 05 Phó Chủ tịch, 28 Ủy viên và 01 Tổng Thư ký), đã duy trì lịch họp định kỳ hàng năm. Tại các cuộc họp này, nghị quyết được ban hành nhằm đánh giá kết quả hoạt động năm và đề ra phương hướng cho giai đoạn tiếp theo. Ban Kiểm tra ghi nhận các cuộc họp được tổ chức với tinh thần nghiêm túc,

dân chủ và minh bạch. Tuy nhiên, một hạn chế đáng chú ý là các Ủy viên Ban Chấp hành chưa thật sự đại diện được đông đảo các thành phần doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Điều này phần nào đã làm hạn chế tính toàn diện và sâu sắc của các nội dung thảo luận.

2. Kiểm tra việc quản lý tài sản và tài chính

Hoạt động kiểm tra tài chính và tài sản là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, nhằm đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong việc sử dụng nguồn lực của Hội. Trụ sở Hội tại 186/1 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và phương tiện làm việc thiết yếu (bàn ghế, máy tính, thiết bị văn phòng). Các tài sản này được quản lý chặt chẽ và kiểm tra định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng phục vụ công việc.

Quản lý tài chính: Hội hoạt động không dựa trên nguồn cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước. Trong suốt nhiệm kỳ III, Hội cũng chưa thành công trong việc thu hút tài trợ từ các nhà tài trợ hay tổ chức phát triển trong và ngoài nước. Do đó, toàn bộ kinh phí hoạt động được hình thành chủ yếu từ các đề tài và dự án. Ban Kiểm tra khẳng định rằng việc quản lý và chi tiêu tài chính được thực hiện một cách minh bạch và rõ ràng. Văn phòng Hội có 03 nhân viên hành chính chịu trách nhiệm kiểm soát các hoạt động chi tiêu, dưới sự giám sát của 01 Kế toán trưởng chuyên trách.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác thi đua, khen thưởng Trong nhiệm kỳ III, Ban Kiểm tra ghi nhận không có bất kỳ trường hợp khiếu nại, tố cáo nào phát sinh. Tương tự, các hoạt động thi đua, khen thưởng lớn cũng không diễn ra trong giai đoạn này.

4. Kết luận đánh giá công tác kiểm tra nhiệm kỳ III Do đặc thù hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ III còn một số giới hạn về quy mô, hoạt động của Ban Kiểm tra chưa thể phát huy tối đa tiềm năng. Mặc dù vậy, công tác kiểm tra giám sát đã được triển khai nghiêm túc và bài bản, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Hội, quy chế của Ban Chấp hành. Đặc biệt, không có bất kỳ vi phạm pháp luật nào được phát hiện trong các hoạt động của Hội, khẳng định tính chính trực và tuân thủ pháp luật.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KIỂM TRA NHIỆM KỲ IV (2025-2030)

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác kiểm tra và giám sát trong giai đoạn tới, Ban Kiểm tra đề xuất các phương hướng và nhiệm vụ trọng tâm cho nhiệm kỳ IV.

1. Phương hướng chung Phương hướng chiến lược cho nhiệm kỳ IV là tăng cường sự chỉ đạo của Ban Chấp hành đối với hoạt động kiểm tra, giám sát, đồng thời hoàn thiện cơ cấu và bổ sung nhân sự cho Ban Kiểm tra, nhằm đẩy mạnh và nâng cao tính hiệu quả của hoạt động này.

2. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể Để hiện thực hóa phương hướng trên, Ban Kiểm tra sẽ tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp sau:

- Kiểm tra toàn diện và sâu sát: Tiếp tục thực hiện kiểm tra nghiêm túc việc chấp hành Điều lệ Hội, quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, các Ban trực thuộc và sự tham gia của toàn thể hội viên.

- Hoàn thiện bộ máy và nâng cao năng lực: Hoàn chỉnh bộ máy Ban Kiểm tra, đặc biệt chú trọng bổ sung nhân sự có chuyên môn và kinh nghiệm, từ đó tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của Ban.

- Xây dựng chương trình hành động cụ thể: Xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm tổng kết, rút kinh nghiệm từ các hoạt động đã triển khai.

Đồng thời, đưa ra các hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời và xứng đáng đối với những hội viên, đơn vị trực thuộc có thành tích xuất sắc trong công tác.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Ban Chấp hành;
- Lưu VP.

**TM. BAN KIỂM TRA
TRƯỞNG BAN**

**BÁO CÁO KINH PHÍ ĐÃ CHI NHIỆM KỲ 2019- 2024
CÁC CHỈ TIÊU CHI CƠ BẢN**

1. Số lao động thường xuyên: 04 người
2. Số lao động không thường xuyên: 06 người
3. Tổng tiền lương cho lao động thường xuyên
4. Tổng tiền lương cho lao động không thường xuyên
5. Thuê văn phòng

TT	CHI TIẾT	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	Năm 2020: Về kinh phí		
	Số dư kinh phí năm 2019 chuyển sang	20,500,000	
	1) Tổng số: Thu kinh phí trong năm	182,448,000	
	<i>Trong đó:</i>		
	Thu từ hoạt động dự án, đề tài	146,448,000	
	Thu từ các đơn vị trực thuộc	36,000,000	
	Kinh phí có được trong năm	202,948,000	
	2) Tổng số: Chi kinh phí trong năm	191,015,200	
	<i>Trong đó:</i>		
	Chi trả lương, phụ cấp và CTP	109,836,000	
	Chi khác cho hoạt động của Hội	81,179,200	
	Tổng tồn năm 2020	11,932,800	
II	Năm 2021: Về kinh phí		
	Số dư kinh phí năm 2020 chuyển sang	11,932,800	
	1) Tổng số: Thu kinh phí trong năm	1,151,530,000	
	<i>Trong đó:</i>		
	Thu từ hoạt động dự án, đề tài	1,115,530,000	
	Thu từ các đơn vị trực thuộc	36,000,000	
	Kinh phí có được trong năm	1,163,462,800	
	2) Tổng số: Chi kinh phí trong năm	1,127,513,200	
	<i>Trong đó:</i>		

	Chi trả lương, phụ cấp và CTP	836,647,500	
	Chi khác cho hoạt động của Hội	290,865,700	
	Tổng tồn năm 2021	35,949,600	
III	Năm 2022: Về kinh phí		
	Số dư kinh phí năm 2021 chuyển sang	35,949,600	
	1) Tổng số: Thu kinh phí trong năm	400,860,000	
	<i>Trong đó:</i>		
	Thu từ hoạt động dự án, đề tài	376,860,000	
	Thu từ các đơn vị trực thuộc	24,000,000	
	Kinh phí có được trong năm	436,809,600	
	2) Tổng số: Chi kinh phí trong năm	410,690,400	
	<i>Trong đó:</i>		
	Chi trả lương, phụ cấp và CTP	301,488,000	
	Chi khác cho hoạt động của Hội	109,202,400	
	Tổng tồn năm 2022	26,119,200	
IV	Năm 2023: Về kinh phí		
	Số dư kinh phí năm 2022 chuyển sang	26,119,200	
	1) Tổng số: Thu kinh phí trong năm	767,870,300	
	<i>Trong đó:</i>		
	Thu từ hoạt động dự án, đề tài	743,870,300	
	Thu từ các đơn vị trực thuộc	24,000,000	
	Kinh phí có được trong năm	793,989,500	
	2) Tổng số: Chi kinh phí trong năm	753,894,140	
	<i>Trong đó:</i>		
	Chi trả lương, phụ cấp và CTP	595,096,240	
	Chi khác cho hoạt động của Hội	158,797,900	
	Tổng tồn năm 2023	40,095,360	
V	Năm 2024: Về kinh phí		
	Số dư kinh phí năm 2023 chuyển sang	40,095,360	
	1) Tổng số: Thu kinh phí trong năm	1,645,987,800	
	<i>Trong đó:</i>		
	Thu từ hoạt động dự án, đề tài	1,606,987,800	
	Thu từ các đơn vị trực thuộc	39,000,000	
	Kinh phí có được trong năm	1,686,083,160	
	2) Tổng số: Chi kinh phí trong năm	1,622,806,872	

	<i>Trong đó:</i>		
	Chi trả lương, phụ cấp và CTP	1,285,590,240	
	Chi khác cho hoạt động của Hội	337,216,632	
	Tổng tồn năm 2024	63,276,288	

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

HỘI KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- Tên tiếng Anh: Viet Nam Rural Development Science Association.
- Tên viết tắt là: PHANO
- Biểu tượng (logo) của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam (nếu có) được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam (PHANO) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện được thành lập vào năm 2006. Hội tập hợp đông đảo các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ, doanh nghiệp cùng những cá nhân có tâm huyết, cùng nhau hoạt động trong lĩnh vực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường và thực hiện các dịch vụ liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường theo quy định của pháp luật. Sứ mệnh cốt lõi của PHANO là ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ, nâng cao tri thức và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững của khu vực nông thôn Việt Nam. Hội đóng vai trò là cầu nối quan trọng giữa nghiên cứu khoa học hàn lâm và thực tiễn sản xuất, qua đó góp phần cải thiện đời sống của người dân và kiến tạo diện mạo nông thôn mới ngày càng văn minh, hiện đại, đồng thời bảo vệ và quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái.

2. Mục đích hoạt động của Hội là tập hợp, đoàn kết, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- Trụ sở chính của Hội đặt tại số nhà 1, Ngõ 186, Đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Hội có thể đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở chính theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong hoạt động trong lĩnh vực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, môi trường và các dịch vụ liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường Việt Nam.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI**

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội và được cung cấp thông tin, phổ biến cho hội viên về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

5. Hỗ trợ hội viên trong hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, hội nghị, hội thảo, khuyến khích hợp tác, liên kết giữa các hội viên của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

7. Thành lập và chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ, toàn diện về tổ chức, hoạt động của các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật

và Điều lệ Hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội. Quy chế hoạt động và nhân sự chủ chốt của các pháp nhân trực thuộc Hội do Lãnh đạo Hội quyết định. Báo cáo Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động chính của Hội và Bộ Nội vụ về việc thành lập tổ chức pháp nhân theo quy định của pháp luật.

8. Tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

9. Tổ chức, tham gia, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong ngành, lĩnh vực, các dịch vụ theo quy định của pháp luật và được cấp chứng nhận chuyên môn hoặc chứng chỉ khác liên quan đến ngành, lĩnh vực hoạt động của Hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

10. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

11. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hội.

12. Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Nhà nước giao (nếu có).

13. Gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật. Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực Hội hoạt động và Bộ Nội vụ về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

14. Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước khen thưởng các hội viên theo quy định tại Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

15. Tham gia xuất bản sách, tạp chí, tập san, bản tin, các ấn phẩm và trang thông tin điện tử liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

16. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động, Điều lệ, quy chế, quy định của Hội. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hội, tổ chức thuộc Hội để làm cơ sở tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

5. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

6. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội. Báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động hàng năm của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội, hội viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và báo cáo kết quả giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Trong trường hợp, Hội không tự giải quyết được các tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng, ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

9. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Hội vào cơ sở dữ liệu về hội và thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

10. Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Các tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, tự nguyện nộp đơn gia nhập Hội, được Hội xem xét, quyết định kết nạp;

b) Hội viên liên kết: Tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện tham gia hoạt động Hội hoặc không có đủ tiêu chuẩn để trở thành hội viên chính thức của Hội, nhưng có đóng góp tích cực cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đăng ký tham gia Hội, được Hội xem xét, công nhận.

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức nhưng có uy tín, tâm huyết, có nhiều đóng góp công sức, trí tuệ đối với sự phát triển hoạt động trong lĩnh vực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường Việt Nam và Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam được Hội xem xét, mời làm hội viên danh dự của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Tiêu chuẩn hội viên tổ chức: Các tổ chức Việt Nam đang hoạt động trong hoạt động trong lĩnh vực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường, dịch vụ liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường được thành lập theo quy định của pháp luật, trong đó có các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hội, Hội có hoạt động liên quan đến nông nghiệp ở các tỉnh thành, phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là hội, Hội nông nghiệp tỉnh được thành lập và phê duyệt Điều lệ theo quy định của pháp luật). Người đại diện hội viên tổ chức tham gia Hội là công dân Việt Nam. Trường hợp hội viên tổ chức có thay đổi người đại diện thì phải có văn bản gửi Hội theo quy định của Hội.

b) Tiêu chuẩn hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam từ đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoạt động trong hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường, liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội.

Điều 9. Quyền lợi của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được đề cử dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và các chức danh lãnh đạo khác của Hội theo quy định của Hội.

5. Được cấp Thẻ hoặc Giấy chứng nhận hội viên và được khen thưởng theo quy định của Hội.

6. Được tham gia các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Được Hội giúp đỡ, hỗ trợ đối với các công trình nghiên cứu, các sáng kiến phát minh trong nghề, bảo vệ quyền lợi trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

8. Được quyền xin ra khỏi Hội theo các thủ tục quy định tại quy chế và Điều lệ Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định tại Điều lệ này; thực hiện các nghị quyết của Hội; tuyên truyền phát triển hội viên mới.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí theo quy định của Hội. Hội viên danh dự không phải đóng hội phí.

6. Bảo vệ danh dự, quyền lợi của Hội và hội viên trong Hội khi hoạt động nghề nghiệp và công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

7. Tích cực tuyên truyền và phát triển hội viên mới.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; chấm dứt tư cách hội viên

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp, công nhận hội viên:

a) Các tổ chức, công dân Việt Nam được quy định tại Điều 8 Điều lệ này có nguyện vọng gia nhập Hội, nộp hồ sơ kết nạp hội viên để Ban Thường vụ xem xét, quyết định;

b) Hồ sơ kết nạp hội viên gồm có:

- Đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu quy định);

- Tờ khai thông tin trích ngang (theo mẫu do Hội quy định);
- Đối với hội viên tổ chức: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc Điều lệ; Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có); Văn bản cử đại diện của tổ chức;
- Đối với hội viên cá nhân: Căn cước công dân (bản sao).

2. Thủ tục, thẩm quyền chấm dứt tư cách hội viên:

a) Tư cách hội viên đương nhiên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Hội chấm dứt hoạt động theo quy định;
- Bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Hội viên là tổ chức bị phá sản. Trường hợp hội viên tổ chức bị đình chỉ hoạt động thì quyền hội viên của tổ chức sẽ bị đình chỉ cho đến khi tổ chức này được hoạt động trở lại theo quy định của pháp luật;
- Hội viên vi phạm pháp luật nghiêm trọng bị Tòa án kết án;
- Hội viên cá nhân qua đời.

b) Hội viên tự nguyện xin tự rút khỏi Hội gửi đơn đến Ban Thường vụ xem xét giải quyết theo Điều lệ và quy định của Hội;

c) Hội viên bị đình chỉ, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khai trừ và chấm dứt theo quyết định của Ban Thường vụ Hội khi hội viên đó thuộc một trong các trường hợp sau:

- Hội viên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi, uy tín, tài sản và tài chính của Hội;
- Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, các quy chế của Hội;
- Hoạt động trái với quy định của pháp luật Việt Nam gây hậu quả nghiêm trọng, bị truy tố trách nhiệm hình sự hoặc bị cơ quan có thẩm quyền kết án theo quy định của pháp luật;
- Không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của hội viên, không đóng hội phí từ 02 (hai) năm trở lên mà không có lý do chính đáng.

c) Hội viên bị chấm dứt tư cách (nếu có) phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác phát sinh trước thời điểm bị chấm dứt tư cách hội viên và phải trả lại Thẻ hoặc Giấy chứng nhận hội viên trước khi ra khỏi Hội.

3. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể về hồ sơ, biểu mẫu, trình tự liên quan đến việc kết nạp, đình chỉ, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt tư cách và xóa tên hội viên phù hợp với Điều lệ và Quy chế do Ban Chấp hành ban hành.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc;
2. Ban Chấp hành;
3. Ban Thường vụ;
4. Ban Kiểm tra;
5. Văn phòng Hội, các Ban chuyên môn;

6. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; các liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội (nếu có) là các tổ chức cơ sở không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng được thành lập theo Điều lệ Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm 01 (một) lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức đối với Đại hội toàn thể hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số Đại biểu chính thức có mặt đối với Đại hội đại biểu.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;

b) Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, báo cáo kiểm điểm Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;

d) Thông qua việc đổi tên Hội (nếu có) và việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hội; đề cử, ứng cử và bầu vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

g) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

h) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định hoặc theo quy định của Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Đại biểu chính thức được triệu tập tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của các ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành; Quy chế hoạt động của Ban Thường vụ; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết đơn, thư kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội, các quy chế và quy định khác trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung giữa nhiệm kỳ) không được vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức liên quan trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật để góp phần phát triển Hội;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 (một) năm 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc yêu cầu của trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc

qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Cuộc họp của Ban Chấp hành hợp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành Hội quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên trong Ban Chấp hành Hội biểu quyết tán thành.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

i) Quyết định các vấn đề khác, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội.

4. Ban Chấp hành quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đảm bảo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội;

d) Thực hiện việc kết nạp, khai trừ và xóa tên hội viên; khen thưởng, kỷ luật hội viên theo Điều lệ, quy chế hoặc quy định do Ban Chấp hành ban hành;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp thường kỳ 03 (ba) tháng (01) một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng

trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ Hội biểu quyết tán thành;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu ra. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội, hội viên, các đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trường hợp Hội không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

a) Ban Kiểm tra hoạt động theo nguyên tắc độc lập, làm việc theo chế độ tập thể;

b) Hoạt động của Ban Kiểm tra theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

c) Ban Kiểm tra mỗi năm họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm tra Hội hoặc khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Kiểm tra. Ban Kiểm tra có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm tra do Ban Kiểm tra quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra Hội biểu quyết tán thành.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến Ban Kiểm tra bằng văn bản.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Điều kiện, tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định và đảm bảo các yếu tố sau:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích.

b) Điều kiện: Không giữ chức danh Chủ tịch quá 02 Hội hoặc Hội; Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng, tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành quy định phù hợp với quy định của pháp luật. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền

hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân khi hết nhiệm kỳ;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về vi phạm pháp luật và Điều lệ nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Toà án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

5. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội; bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật;

b) Ban Chấp hành quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Tổng thư ký Hội

1. Tổng Thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội về việc quản lý, điều hành các hoạt động của Văn phòng Hội. Tiêu chuẩn Tổng Thư ký do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Thư ký do Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội phân công thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế được Ban Chấp hành Hội thông qua, cụ thể:

a) Tham gia xây dựng các quy chế quản lý và hoạt động của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội;

b) Giúp Chủ tịch Hội chuẩn bị các báo cáo, nội dung các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Định kỳ báo cáo Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về các hoạt động của Hội;

d) Tổng hợp báo cáo hàng năm, báo cáo hoạt động nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội và xây dựng hồ sơ Đại hội của Hội;

đ) Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Hội về quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Văn phòng Hội theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn

1. Văn phòng Hội là cơ quan giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội, thực hiện công việc hành chính tổng hợp, kế toán tài chính của Văn phòng Hội theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Căn cứ yêu cầu thực tế công việc, Ban Thường vụ Hội thành lập các ban chuyên môn giúp việc để thực hiện các lĩnh vực công tác của Hội.

3. Chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động của Văn phòng, các Ban chuyên môn do Ban Chấp hành Hội quy định.

4. Việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động đối với nhân sự làm việc tại Văn phòng và các ban chuyên môn, các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội do Hội và các tổ chức này xem xét, quyết định theo Điều lệ, quy chế, quy định của Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội:

- Phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);
- Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;

b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội; đăng ký mã số thuế, kê khai thuế theo quy định;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm đối với nguồn kinh phí do Nhà nước cấp gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng đối với tài chính, tài sản do nhà nước cấp của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội, hội viên, người làm việc tại Hội có nhiều thành tích, có đóng góp tích cực vào sự phát triển của Hội và của ngành gia cầm được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể nội dung, hình thức, trình tự thủ tục và thẩm quyền khen thưởng, biểu dương, tôn vinh tập thể, cá nhân (cán bộ, hội viên, người lao động) trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội do Hội xem xét, kỷ luật bằng các hình thức theo quy định của Hội: phê bình, khiển trách, cảnh cáo, cách chức đến khai trừ khỏi Hội hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất, tài sản, tài chính của Hội, của các hội viên khác thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam thông qua khi được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập dự Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ sửa đổi, bổ sung phải được Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 27 (hai mươi bảy) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (nhiệm kỳ 2025-2030) của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 tại thành phố Hà Nội và chính thức có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Điều lệ này thay thế Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 469/QĐ-BNV ngày 5 tháng 06 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025

**QUY CHẾ ĐẠI HỘI
HỘI KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
NHIỆM KỲ IV (2025-2030)**

**CHƯƠNG I.
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội nhiệm kỳ IV (2025-2030) (“Đại hội”) của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Hội”);
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của hội viên Hội; người tham dự họp Đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội; phương thức biểu quyết, bầu cử và thông qua các nội dung tại Đại hội.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc tại Đại hội

Để công tác tổ chức Đại hội được hiệu quả, an toàn, hội viên Hội, người tham dự Đại hội phải tuân thủ các nguyên tắc làm việc sau:

1. Tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều hành của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội;
2. Đảm bảo sức khỏe khi tham dự Đại hội;
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
4. Tất cả điện thoại di động phải được chuyển sang chế độ không để chuông và hạn chế tối đa việc sử dụng điện thoại trong phòng Đại hội;
5. Không được quay phim, chụp ảnh, ghi âm gây ảnh hưởng đến hoạt động điều hành Đại hội (trừ trường hợp được sự cho phép của Đoàn Chủ tịch và Ban Tổ chức Đại hội);
6. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Hội và các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI VIÊN, NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của hội viên, người tham dự Đại hội

1. Các hội viên có tên trong danh sách hội viên của Hội có quyền trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội;

2. Tại Đại hội, hội viên, người đại diện theo ủy quyền của hội viên khi tới tham dự cuộc họp phải xuất trình: Giấy mời họp (nếu có), bản gốc CCCD/CMND/Hộ chiếu còn hiệu lực, Giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền tham dự họp) để thực hiện thủ tục thẩm tra tư cách hội viên và đăng ký tham dự Đại hội. Các Đại biểu, Khách mời tham dự phải xuất trình Giấy mời của Ban Tổ chức, trường hợp khác không có giấy mời phải được sự đồng ý của Ban Tổ chức;

3. Được nhận liệu họp và các tài liệu khác theo quy định của Hội sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban thẩm tra tư cách hội viên (đối với hội viên chính thức);

4. Được thảo luận, phát biểu, bầu cử và biểu quyết tất cả các vấn đề trong nội dung Chương trình họp Đại hội;

5. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền ứng cử, bầu cử các chức danh lãnh đạo của Hội và không được biểu quyết các vấn đề của Hội;

6. Tham dự cuộc họp đúng giờ, trường hợp đến họp sau khi đã khai mạc vẫn có thể đăng ký tham dự và thực hiện biểu quyết, nhưng Đoàn Chủ tịch không có trách nhiệm dừng Đại hội. Trong trường hợp này, hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch

1. Điều hành Đại hội theo Chương trình họp, Quy chế làm việc đã được Đại hội thông qua;

2. Đề xuất Đại hội thay đổi chương trình họp; đề xuất hoãn/tạm dừng họp; thay đổi địa điểm họp; quyết định thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội một cách có trật tự, đảm bảo an ninh, an toàn Đại hội đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thẩm tra tư cách hội viên

Ban Thẩm tra tư cách hội viên gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên do Ban Chấp hành chỉ định và có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Ban Thẩm tra tư cách hội viên được thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;
2. Thực hiện thẩm tra tư cách hội viên đủ điều kiện tham dự Đại hội theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ của Hội;
3. Giải đáp thắc mắc, phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến tư cách hội viên và các vấn đề liên quan trong suốt thời gian tiến hành Đại hội;
4. Phát/hướng dẫn cho hội viên đến dự họp Đại hội: phiếu bầu và các tài liệu họp khác;
5. Báo cáo trước Đại hội về kết quả thẩm tra tư cách hội viên dự họp Đại hội;
6. Thực hiện các nhiệm vụ/công việc khác theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

Ban Thư ký Đại hội gồm 01 (một) Trưởng ban và một thành viên được Đoàn Chủ tịch đề cử, được Đại hội biểu quyết thông qua và có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung, diễn biến của Đại hội;
2. Lập Biên bản và Nghị quyết của Đại hội;
3. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các hội viên (nếu có);
4. Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên được Đoàn Chủ tịch đề cử, được Đại hội biểu quyết thông qua và có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Hướng dẫn hội viên cách thực hiện biểu quyết các vấn đề tại Đại hội và cách thức bầu cử;
2. Thực hiện kiểm phiếu khi Đại hội biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp và kiểm phiếu khi bầu thành viên Ban Chấp hành, thành viên Ban Kiểm tra nhiệm kỳ IV (2025– 2030); báo cáo kết quả kiểm phiếu công khai tại Đại hội theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của Hội;

3. Giải đáp thắc mắc, phát hiện và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc kiểm phiếu, Thẻ biểu quyết và các vấn đề liên quan trong suốt thời gian tiến hành Đại hội;

4. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác các công việc đã thực hiện; kết quả biểu quyết và bầu cử;

5. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc khác theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch.

CHƯƠNG III.

ĐIỀU KIỆN THAM DỰ, THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội được tiến hành khi có trên 1/2 số hội viên chính thức dự họp;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Hội sẽ thực hiện mời họp lần tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và các quy định nội bộ khác có liên quan.

Điều 9. Phương thức biểu quyết, bầu cử tại Đại hội

1. Việc biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo chương trình họp được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết giơ tay;

2. Việc bầu thành viên Ban Chấp hành, thành viên Ban Kiểm tra được thực hiện theo Quy chế bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam nhiệm kỳ IV (2025– 2030).

Điều 10. Điều kiện thông qua quyết định của Đại hội

Quyết định của Đại hội được thông qua khi có trên 1/2 số hội viên chính thức dự họp tán thành.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng hội viên tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Đoàn Chủ tịch có thể lựa chọn phương pháp điều hành cuộc họp. Hội viên tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch. Đoàn Chủ tịch sẽ mời tuần tự từng hội viên trình bày ý kiến của mình. Trường hợp các hội viên có cùng ý kiến, hoặc nội dung ý kiến tương tự nhau thì Đoàn Chủ tịch chỉ giải đáp một lần cho các ý kiến của hội viên;

2. Hội viên phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp, tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình đã được Đại hội thông qua. Đoàn Chủ tịch có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị hội viên tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu; mời ra khỏi cuộc họp những người không tuân thủ quyền điều hành của Đoàn Chủ tịch, có ý gây rối an ninh, trật tự, ngăn cản tính liên tục liên mạch, tiến trình bình thường của Đại hội.

Điều 12. Biên bản họp Đại hội

1. Nội dung cuộc họp được lập thành Biên bản, được Ban Thư ký đọc lại trước toàn thể Đại hội và được thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;

2. Đoàn Chủ tịch, Thư ký cuộc họp và những thành viên khác ký tên trên biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản;

3. Toàn văn Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội và tài liệu có liên quan của cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Hội.

CHƯƠNG IV.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 04 Chương 13 Điều được công bố công khai trước Đại hội, có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội biểu quyết thông qua và có hiệu lực áp dụng tại Đại hội nhiệm kỳ IV (2025-2030) của Hội.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**